



## 1.0 cm

2.2 cm

0.9 cm

6.5 cm

0.9 cm

**Do not Swallow**

**Karōshi** 過労死: 労働

**Do not Swallow**

Không đúng với ông

Do not Swallow

Khối lượng gỗ nư

**Do not Swallow**

890-0000

|                      |        |
|----------------------|--------|
| Chloramphenicol..... | 80     |
| Neostigmine.....     | 100.00 |

**MEDIPHARCO-TENAMYD**

Chloramphenicol.....80

 MEDIPHARCO-TENAMYD

|                      |        |
|----------------------|--------|
| Chloramphenicol..... | 80     |
| Mycetina.....        | 100.00 |

 MEDIPHARCO-TENAMYD

|                      |        |
|----------------------|--------|
| Chloramphenicol..... | 80     |
| Nystatin.....        | 100.00 |

**MEDIPHARCO-TENAMYC**

\* Ghi chú: Số lô SX và hạn dùng được in mặt sau của vỉ thuốc.

MẪU HỘP GIẤY 12 VIÊN



MẪU HỘP GIẤY Lọ 10 VIÊN



MẪU Lọ 10 VIÊN





## MẪU TỜ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

**MERYNAL - V**  
Viên đặt âm đạo

**CÔNG THỨC:** Mỗi viên đặt âm đạo có chứa có chứa:  
Metronidazol ..... 200 mg  
Cloramphenicol ..... 80 mg  
Nystatin ..... 100.000 UI

Tá dược: (Lactose, Pregelatinized rice starch, Tinh bột mì, Microcrystalline cellulose, Natri lauryl sulfat, Pregelatinised starch, Magnesi stearat) và đủ 1 viên.

**CHỈ ĐỊNH:**  
Viêm âm đạo do Trichomonas, viêm âm đạo do nấm Candida, Viêm âm đạo do nhiễm vi khuẩn sinh mủ thông thường, viêm âm đạo kèm theo huyết trắng.  
Viêm âm đạo không đặc hiệu.

**CÁCH DÙNG - LIỀU DÙNG:**  
Sử dụng thuốc theo hướng dẫn của bác sĩ.  
Nhúng viên thuốc vào nước đun sôi để nguội khoảng 20 - 30 giây, rồi đặt sâu vào âm đạo bằng dụng cụ đặt. Tốt nhất nên đặt ở tư thế nằm ngửa, đầu gối hơi gấp, nằm yên khoảng 15 phút.  
Dùng 1 viên/ ngày vào buổi tối trước khi đi ngủ, dùng liên tiếp khoảng 10 - 15 ngày.

**CHỐNG CHỈ ĐỊNH:**  
Mẫn cảm với bất kỳ thành phần nào của thuốc, hoặc các dẫn chất nitroimidazol khác.

**THẬN TRỌNG:**  
Nếu có phản ứng quá mẫn xảy ra, nên ngừng thuốc ngay và có biện pháp xử lý thích hợp.

**THỜI KỲ MANG THAI VÀ CHO CON BÚ:**  
Không dùng cho phụ nữ có thai và cho con bú. Chỉ nên sử dụng khi có chỉ định của thầy thuốc.

**TƯƠNG TÁC THUỐC:**  
Không dùng phối hợp với:  
- Riboflavin phosphat vì làm giảm mất tác dụng kháng Candida albican.  
- Thuốc chống đông máu, đặc biệt warfarin do tăng tác dụng chống đông máu.  
- Phenobarbital làm tăng chuyển hóa metronidazol nên metronidazol thải trừ nhanh hơn.  
- Phenobarbital có thể dẫn đến giảm nồng độ thuốc kháng sinh trong huyết tương vì phenobarbital gây cảm ứng enzym P<sub>450</sub> có khả năng phá hủy cloramphenicol.

**TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN (ADR):**  
Các phản ứng tại chỗ bao gồm: ngứa, dị ứng, kích ứng ở niêm mạc âm đạo.  
Tác dụng không mong muốn toàn thân xảy ra nếu thuốc được hấp thu:  
\* **Metronidazol:**  
- Tác dụng không mong muốn thường phụ thuộc vào liều dùng. Khi dùng liều cao và lâu dài sẽ làm tăng tác dụng có hại.  
- Ít gặp, 1/1000 < ADR < 1/100:  
Máu: Giảm bạch cầu.  
\* **Cloramphenicol**  
Những tác dụng không mong muốn của cloramphenicol có thể rất nghiêm trọng, do đó phải tránh việc điều trị kéo dài hoặc nhắc lại. Tác dụng không mong muốn nghiêm trọng nhất là thiếu máu không tái tạo, không phục hồi do suy tủy xương. Độc tính với tủy xương xảy ra dưới hai dạng: phụ thuộc vào liều và không phụ thuộc vào liều. Những tác dụng không mong muốn về thần kinh phụ thuộc vào liều dùng và đôi khi có thể phục hồi.  
Thường gặp, ADR > 1/100  
Đa: Ngoại ban.  
Ít gặp, 1/1000 < ADR < 1/100  
Máu: Giảm bạch cầu hạt, giảm tiểu cầu và thiếu máu với giảm hồng cầu lưới, tất cả có thể phục hồi.  
Da: Mày dầy.  
\* **Nystatin**  
Nystatin không hấp thu khi dùng tại chỗ, hầu như không độc và không gây mẫn

cảm và dung nạp tốt ở tất cả các lứa tuổi kể cả trẻ nhỏ suy yếu và ngay cả khi dùng kéo dài.  
- Hiếm gặp, ADR < 1/1000  
Gây kích ứng tại chỗ. Hội chứng Steven - Johnson.  
**Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.**  
**CÁC ĐẶC TÍNH ĐƯỢC LỰC HỌC, ĐƯỢC ĐỘNG HỌC:**  
\* **Được lực học:**  
**Metronidazol:**  
Metronidazol là một dẫn chất 5 - nitro - imidazol, có phổ hoạt tính rộng trên động vật nguyên sinh như amip, Giardia và trên vi khuẩn kỵ khí. Metronidazol là một thuốc rất mạnh trong điều trị nhiễm động vật nguyên sinh như Entamoeba histolytica, Giardia lamblia và Trichomonas vaginalis. Metronidazol có tác dụng diệt khuẩn trên Bacteroides, Fusobacterium và các vi khuẩn kỵ khí bắt buộc khác, nhưng không có tác dụng trên vi khuẩn hiếu khí.  
**Cloramphenicol:**  
Cloramphenicol là kháng sinh, ban đầu được phân lập từ Streptomyces venezuelae. Cloramphenicol có tác dụng kìm khuẩn, nhưng có thể diệt khuẩn ở nồng độ cao hoặc đối với những vi khuẩn nhạy cảm cao.  
**Nystatin:**  
Nystatin là kháng sinh chống nấm được chiết xuất từ dịch nuôi cấy nấm Streptomyces noursei. Nystatin có tác dụng kìm hãm hoặc diệt nấm tùy thuộc vào nồng độ và độ nhạy cảm của nấm, không tác động đến vi khuẩn chí bình thường trên cơ thể. Nhạy cảm nhất là các nấm men và có tác dụng rất tốt trên Candida albicans.  
Cơ chế tác dụng: Do liên kết với sterol của màng tế bào các nấm nhạy cảm nên Nystatin làm thay đổi tính thấm của màng nấm. Nystatin dung nạp tốt ngay cả khi điều trị lâu dài và không gây kháng thuốc.  
\* **Được động học:**  
**Metronidazol:**  
Metronidazol hấp thu nhanh và hoàn toàn sau khi uống, đạt tới nồng độ trong huyết tương khoảng 10 microgam/ml khoảng 1 giờ sau khi uống 500 mg, nhưng sự hấp thu của metronidazol khi dùng đường âm đạo chỉ bằng nửa khi uống nếu dùng liều bằng nhau.  
Metronidazol chuyển hóa ở gan thành các chất chuyển hóa dạng hydroxy và acid, và thải trừ qua nước tiểu một phần dưới dạng glucuronid và Khoảng 14% liều dùng thải trừ qua phân.  
**Cloramphenicol:**  
Cloramphenicol được hấp thu nhanh qua đường tiêu hóa, phân bố rộng khắp trong phần lớn mô cơ thể và dịch, kể cả nước bọt, dịch cổ trướng, dịch màng phổi, hoạt dịch, thủy dịch và dịch kính. Nồng độ thuốc cao nhất trong gan và thận, thải trừ chủ yếu qua nước tiểu.  
**Nystatin:**  
Nystatin được hấp thu kém qua đường tiêu hóa, không được hấp thu qua da hay niêm mạc khi dùng tại chỗ, thải trừ chủ yếu qua phần dưới dạng chưa chuyển hóa.

**QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ:**  
Phù nề, kích ứng niêm mạc khi đặt. Phải ngừng sử dụng thuốc.

**LỖI KHUYẾN CÁO:**  
Thuốc này chỉ dùng theo đơn của thầy thuốc.  
Đề xa tầm tay trẻ em.  
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.  
Nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến bác sĩ.

**ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN:**  
Nơi khô thoáng, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng.

**QUY CÁCH ĐÓNG GÓI:** Vỉ 12 viên, Hộp 1 vỉ.  
Lọ 10 viên, hộp 1 lọ.

**HẠN DÙNG:** 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

**MEDIPHARCO**  
CÔNG TY CP DƯỢC TW MEDIPHARCO-TENAMYD  
8 Nguyễn Trường Tộ - Tp. Huế - Việt Nam  
ĐT: 054. 3823099 - 3827215 Fax: 054.3826077

Huế, ngày, tháng năm 2011



DS. Phạm Thị Bình